TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TH** TỈNH LONG A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 37 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2022
V/v"L hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dg.

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Ngọc Nh.

2/ Ông Hà Minh T.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân TH.

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân TH mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án "*Xin L hôn*" thụ lý số 131/2022/ TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 Gi:

1. Nguyên đơn: Bà PhA Thị Th, sinh năm: 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Kênh Gi, xã Nhơn Nh, huyện Tân TH, tỉnh Long A.

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc Hg**,** sinh năm: 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn Tân TH, huyện Tân TH, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà PhA Thị Th trình bày: Ngày 16-17 tháng 11 năm 2018 tôi và ông Trần Ngọc Hg có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của gia đình hai bên, nhưng chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống với nhau đến tháng 09 năm 2020 thì Ah Hg bỏ đi. Đến tháng 9 năm 2022 thì Ah Hg trở về nhưng do tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn lại được nữa nên tôi yêu cầu được L hôn với Trần Ngọc Hg.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Ngọc Hg trình bày: Thời giA cưới nhau cũng như lời trình bày của bà PhA Thị Th nhưng chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên bà PhA Thị Th yêu cầu L hôn tôi đồng ý.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả trAh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà PhA Thị Th yêu cầu L hôn với ông Trần Ngọc Hg. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định quA hệ pháp luật trAh chấp là "L hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân TH, tỉnh Long A.

Tại phiên tòa:

Bà PhA Thị Th không thay đổi yêu cầu, không rút đơn khởi kiện. Bà Th vẫn giữ yêu cầu xin L hôn với ông Trần Ngọc Hg.

Về con chung: Chưa có con chung.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân TH.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quA hệ hôn nhân: Vào ngày 16-17 tháng 11 năm 2018 bà PhA Thị Th và ông Trần Ngọc Hg có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của già đình hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà Th và ông Hg chung sống với nhau đến tháng 09 năm 2020 thì ông Hg bỏ đi bà Th không biết lý do. Đến tháng 9 năm 2022 thì ông Hg trở về yêu cầu vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn lại được nữa nên bà Th yêu cầu được L hôn với Trần Ngọc Hg.

Ông Trần Ngọc Hg xác nhận hai bên sống với nhau do tính tình không hợp nên không tiếp tục sống với nhau nữa. Hiện nay bà Th yêu cầu xin L hôn ông Hg đồng ý.

Xét thấy trình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nữa nên bà PhA Thị Th yêu cầu được L hôn ông Trần Ngọc Hg chấp nhận là có căn cứ.

Do bà Th và ông Hg không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quA hệ hôn nhân Gi bà Th và ông Hg không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ Gi vợ và chồng. Việc kết hôn chỉ có giá trị pháp lý nếu được đăng ký theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận bà PhA Th Th và ông Trần Ngọc Hg là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc bà PhA Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí của bà PhA Thị Th đã nộp tại biên lai thu số 0004437 ngày 02-11-2022 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Tân TH sAg thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014;

Áp dụng 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, b khoản 1, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà PhA Thị Th và ông Trần Ngọc Hg là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc bà PhA Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí của bà Th đã nộp tại biên lai thu số 0004437 ngày 02-11-2022 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Tân TH thành án phí.

Trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các bên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Long A;
- VKS huyện Tân TH;
- THA huyệnTân TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Dg